**BẢN KÊ KHAI**

**Số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải năm ….**

*(Dùng cho sản phẩm, hàng hóa có thành phần nhựa tổng hợp)*

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

**Tên nhà sản xuất, nhập khẩu:** …………………………………………………. Mã số thuế:……………………………………………………

Người đại diện theo pháp luật: …………………………………………………... Chức vụ:………………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………….…………………….. Điện thoại: …………………. Email: ……………………………………………..

*Đơn vị tính: VNĐ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục sản phẩm** | **Mã** **SP** | **Đơn vị tính** | **Số tiền đóng góp tài chính năm N** | | | | | **Số tiền chênh lệch giữa thực tế và kê khai của** **năm N-1** | | | | **Tổng số tiền phải** **đóng góp** |
| Số lượng thực tế năm N-1 | Khối lượng thành phần nhựa/sản phẩm của năm N-1 | Khối lượng nhựa tạm tính sử dụng cho năm N | Mức đóng góp năm N | Số tiền | Khối lượng nhựa tạm tính sử dụng kê khai cho năm N-1 | Chênh lệch khối lượng nhựa sử dụng thực tế và kê khai của năm N-1 | Mức đóng góp năm N-1 | Số tiền |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)=(5)×(6)** | **(8)** | **(9)=(7)×(8)** | **(10)** | **(11)=(7)-(10)** | **(12)** | **(13)=(11)×(12)** | **(14)=(9)+(13)** |
| ***I*** | ***Sản phẩm, hàng hóa sản xuất và đưa ra thị trường trong nước*** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Sản phẩm, hàng hóa nhãn A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | | | | | | | | | | | |  |
| ***II*** | ***Sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu*** | | | | | | | | | | | |  |
| 1 | Sản phẩm, hàng hóa nhãn B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG (I+II)** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Tài liệu kèm theo:**

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa sản xuất đưa ra thị trường trong năm N-1 (Nhà sản xuất): **theo Mẫu số 07 Phụ lục IX**

Bản kê khai danh mục sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu trong năm N-1 (Nhà nhập khẩu): **theo Mẫu số 08 Phụ lục IX**

(*Tên nhà sản xuất, nhập khẩu*) cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu, tài liệu trong Bản kê khai này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *(Địa danh), ngày … tháng … năm …* **Người đại diện theo pháp luật**  *(Chữ ký, đóng dấu)*  **Họ và tên** |

***Ghi chú:***

- Năm N là năm thực hiện trách nhiệm, năm N-1 là năm liền trước năm thực hiện trách nhiệm;

- Cột (5): Kê khai theo cột (5) của **Mẫu số 07 Phụ lục IX** và **Mẫu số 08 Phụ lục IX**;;

- Cột (6): Khối lượng thành phần nhựa/sản phẩm, hàng hóa được tính bằng kg và xác định đến phần nghìn. Ví dụ: 0,123 kg. Nhà sản xuất, khẩu khẩu phải công bố thông tin sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

- Cột (9): Số tiền đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải năm N là số tiền tạm tính theo khối lượng nhựa tổng hợp được sử dụng của năm N-1 (năm liền trước);

- Cột (10): Kê khai theo số liệu cột (7) Bản kê khai của năm N-1 (năm liền trước).